

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **04/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/3/2019

V/v: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trọng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Tuyết Mai** - Kiểm sát viên.

Ngày **12** tháng **03** năm **2019**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/01/2019 về “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐHPT – HNGĐ ngày 26/02/2019 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** **Chị** LTH, sinh năm 1993.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: thôn T, xã Đ, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

* **Bị đơn:** **Anh** NTT, sinh năm 1989.

HKTT và cư trú: thôn Y, xã Đ, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

Tại phiên tòa: Có mặt chị LTH. Vắng mặt anh NTT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, bản khai và lời trình bày tại buổi hòa giải. Nguyên đơn - chị LTH trình bày:*

Về hôn nhân: Chị LTH và anh NTT kết hôn ngày 05/01/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh T tại thôn Y, xã Đ, huyện Chương Mỹ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Đến tháng 10/2018, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T, xã Đ,

huyện Chương Mỹ để ở. Vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh T để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu NLDL, sinh ngày 20/5/2013 và cháu NLTD, sinh ngày 08/8/2016. Hiện cả 02 cháu đang ở cùng với anh T. Ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung là cháu L và cháu D. Nếu được nuôi 02 con chung, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Theo chị H, hiện chị H đang làm công nhân công ty May Xinglun, thu nhập khoảng 7-8 triệu/01 tháng và đang ở trên đất bố mẹ đẻ nên có đủ điều kiện chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chị LTH không yêu cầu giải quyết.

*** Tại biên bản ghi lời khai anh NTT trình bày:**

Về hôn nhân: Anh NTT thừa nhận về thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và nơi vợ chồng chung sống sau khi kết hôn như chị LTH trình bày. Quá trình chung sống, anh T thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn và bất đồng quan điểm. Tháng 10/2018 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T, xã Đ, huyện Chương Mỹ để ở từ đó cho tới nay. Nay chị H xin ly hôn, anh T cũng xác định tình cảm không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị H để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh NTT thừa nhận, vợ chồng có 02 con chung là cháu NLDL, sinh ngày 20/5/2013 và cháu NLTD, sinh ngày 08/8/2016. Hiện cả 02 cháu đang ở cùng với anh T. Ly hôn anh T có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay anh T đang làm nông nghiệp tại nhà, thu nhập khoảng 10 triệu/01 tháng. Về điều kiện chăm sóc con chung: Theo anh T: Anh T có nhà và đang ở cùng bố mẹ đẻ nên đủ điều kiện chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Anh T thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị LTH vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh T và giữ nguyên nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung. Bị đơn anh NTT vắng mặt và có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn – chị LTH chấp hành đúng qui định của pháp luật; Bị đơn – anh NTT chưa chấp hành đầy đủ qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị LTH và cho chị LTH được ly hôn anh NTT; **Về con chung:** Đề nghị giao cháu NLDL cho anh NTT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và giao cháu NLTD cho chị LTH trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Chị LTH và anh NTT không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H và anh T cho đến khi các bên có yêu cầu. *Về tài sản chung, công nợ chung, công sức:* Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh NTT hiện thường xuyên cư trú tại thôn Y, xã Đ, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản ghi lời khai anh NTT trình bày anh T đồng ý ly hôn và có ý kiến xin được vắng mặt và tại phiên tòa ngày 26/02/2019 anh T vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ đã Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 12/3/2019. Tại phiên tòa ngày 12/3/2019, anh T vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị LTH và anh NTT kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên hôn nhân giữa chị LTH và anh NTT là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống, giữa chị H và anh T có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Chị H và anh T đã ly thân từ tháng 10/2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xin ly hôn anh T và anh T có ý kiến đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H và cho chị H được ly hôn anh T để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Chị LTH và anh NTT có 02 con chung là cháu NLDL, sinh ngày 20/5/2013 và cháu NLTD, sinh ngày 08/8/2016. Hiện cả 02 cháu đang ở cùng với anh T. Ly hôn, cả anh T và chị H đều có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của chị H và anh T thì thấy: Cả chị H và anh T khai nhận đều đi làm có thu nhập và đều có nơi ở đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Do vậy, về điều kiện để nuôi dưỡng con chung của chị H và anh T là như nhau. Cháu NLDL hiện đang ở cùng với anh T nên giao cháu L cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, đối với cháu NLTD, sinh ngày 08/8/2016 hiện đang ở cùng anh T nhưng cháu D chưa đủ 36 tháng tuổi, còn nhỏ và theo quy định của pháp luật thì quyền nuôi dưỡng cháu D thuộc về chị H nên giao cháu NLTD cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Cả chị LTH và anh NTT đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị H và anh T cho đến khi các bên có yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị LTH và anh NTT đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị LTH phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị LTH được ly hôn anh NTT.

2. Về con chung: Chị LTH và anh NTT có 02 con chung là cháu NLDL, sinh ngày 20/5/2013 và cháu NLTD, sinh ngày 08/8/2016.

Giao cháu NLDL, sinh ngày 20/5/2013 cho anh NTT nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu NLDL đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

Giao cháu NLTD, sinh ngày 08/8/2016 cho chị LTH nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu NLTD đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

Chị LTH và anh NTT có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị LTH và anh NTT không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị LTH và anh NTT cho đến khi các bên có yêu cầu.

4. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị LTH phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Chị LTH đã nộp **300.000** đồng (*theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0003760 ngày 04 tháng 01 năm 2019*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị LTH có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Anh NTT có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi của trú.

Nơi nhận:

- TAND tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Đ, huyện Chương Mỹ
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Hoàng Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Trọng

Nguyễn Thị Thanh Hà

Nguyễn Thị Tuyết Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**